

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **282/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 08 tháng 8 năm 2023

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp; ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 334/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ H, ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ D, ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tất cả vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Nguyễn Thành N do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 25 tháng 8 năm 2006. Trong thời kỳ hôn

nhân, bà C và ông N có một con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 26/01/2007. Hiện cháu V đang sống với ông N.

Theo bà C, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường cãi vã, hai người đã ly thân từ năm 2011. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C xin được ly hôn. Bà C đồng ý để ông N tiếp tục nuôi con chung, bà xin không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông N vắng mặt; bà C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Về chứng cứ: Bà C giao nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai sinh cháu Nguyễn Thành V, Căn cước công dân tên Lê Thị C.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nơi cư trú ông N, ghi ý kiến cháu V.

Theo trình bày của bà Lê thị P (mẹ ông N) ngày 25/7/2023, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà C và ông N là về kinh tế. Năm 2011 bà C bỏ nhà lên Bình Dương làm thuê. Ông N và cháu V hiện sống chung trong gia đình. Ông N hiện cũng đi làm thuê, không có ở nhà. Ông N có biết việc bà C xin ly hôn, nhưng do bận làm không đến Tòa.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 25/5/2023, cháu Nguyễn Thành V có nguyện vọng sống cùng ông N sau khi ông N và bà C ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà C, kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao cháu V cho ông N trực tiếp nuôi dạy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị C khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thành N, đồng ý để ông N được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Nguyễn Thành N cư trú tại ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C có đơn xin vắng mặt; ông N vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà C, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà C và ông N là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã và do ảnh hưởng về kinh tế. Bà C và ông N đã ly thân từ đầu năm 2011. Trong thời gian ly thân hai người không qua lại, ông N biết việc bà C xin ly hôn nhưng cũng không có ý kiến. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà C và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông N có một con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 26/01/2007 đang sống cùng ông N. Cháu V có nguyện vọng sống cùng ông N, bà C cũng đồng ý, nên giao cháu V cho ông N trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên nếu ông N có căn cứ có tài sản chung thì có thể yêu cầu và được xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61 ngày 25/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thành N được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 26/01/2007.

Bà Lê Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị C và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Nguyễn Thành N. Ngược lại, ông N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0008266 ngày 26/04/2023. (Bà C đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị C và ông Nguyễn Thành N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh Bình (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu